

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 03/2020/HS-ST

Ngày: 18 - 3 - 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mến

Ông Phạm Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Trường là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thái Thoại - Kiểm sát Viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2020/TLST-HS, ngày 27/02/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HS ngày 03/3/2020, đối với bị cáo:

Trương Văn N, sinh năm 1994, tại: Bình Thuận.

Nơi cư trú: Thôn Nam Hà, xã Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn H (đã chết) và bà Phạm Thị N1; Có vợ Phạm Thị Ngọc A1 (đã ly hôn) và 01 con tên Trương Thị Tuyết N2, sinh năm 2015;

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 03/7/2019 tại Quyết định số 138/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ đã áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã trong thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Nhân thân: Ngày 07/01/2020 tại Quyết định số 06/QĐ-TA của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 20 tháng, chưa chấp hành.

Bị cáo bị giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 21/12/2019, sau đó bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 22/12/2019, tạm giữ từ ngày 22/12/2019 đến ngày 28/12/2019; từ ngày 28/12/2019 cho đến nay bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đức Linh. Có mặt

Bị hại: Ông Lê Trọng A, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ 6, Thôn Nam Hà, xã Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đinh Văn Như T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Nhà số 1, đường Mai Xuân Thưởng, khu phố 1, thị trấn Gia Ray, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt

Người làm chứng:

- Ông Trương Thế T1, sinh năm 1982; nơi cư trú: khu phố 1, thị trấn Gia Ray, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt

- Ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ 4, Ấp Trảng Táo, xã Xuân Thành, huyện X, tỉnh Đồng Nai. (Chỗ ở hiện nay: Ấp Trung Hưng, xã X1, huyện X, tỉnh Đồng Nai). Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 19/12/2019, Trương Văn N đi bộ từ nhà ở thôn Nam Hà, xã Đ, huyện Đức Linh đến nhà chú ruột là ông Trương Quang L trú cùng thôn để xin tiền mua ma túy sử dụng. Khi đến nơi, thấy nhà ông L đóng cửa, Trương Văn N đi sang nhà ông Lê Trọng A sát bên cạnh nhà ông L. Thấy cửa mở nhưng không có ai ở nhà, Trương Văn N đi vào nhà Lê Trọng A tìm tài sản để trộm cắp. Trương Văn N thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 86B8-472.15 dựng trong nhà, chìa khóa xe để trong nón bảo hiểm treo trên cửa sổ. Trương Văn N lấy nón bảo hiểm và dắt xe ra ngoài nổ máy chạy về hướng huyện X, tỉnh Đồng Nai. Khi đi đến khu vực cầu Phước Hưng thuộc thị trấn Gia Ray, huyện X, tỉnh Đồng Nai thì N gặp Trương Thế T1, sinh năm 1982; Nguyễn Quốc K, sinh năm 1983 cùng trú tại huyện X, tỉnh Đồng Nai là bạn của N. Trương Văn N nói với T1

và K tìm dùm nơi cầm xe để đóng tiền viện phí cho chị đang điều trị ở bệnh viện Long Khánh. T1 và K đưa Trương Văn N đi đến một số tiệm cầm đồ ở thị trấn Gia Ray, huyện X nhưng không cầm được do xe không có giấy tờ. Sau đó, Trương Thế T1 chở N đến tiệm sửa xe Như Ý do Trần Mạnh C, sinh năm 1981, trú tại ấp 3, xã Xuân Tâm, huyện X làm chủ. Do quen biết với T1 và nghe N nói cần tiền đóng viện phí cho chị nên Trần Xuân C đưa cho N 2.000.000 đồng và giữ xe mô tô 86B8-472.15. Sau khi cầm xe, T1 và N đón xe khách về lại nhà của K. Khi đi đến cầu Phước Hưng, Trương Văn N xuống xe để đi mua ma túy, Trương Thế T1 đi về nhà rồi cùng K ra cầu Phước Hưng. Sau khi mua ma túy, N về lại cầu Phước Hưng gặp T1, K cùng nhau sử dụng ma túy. Khoảng 19 giờ, Trương Thế T1 về nhà của T1, Nguyễn Quốc K và Trương Văn N về nhà của K. Khoảng 11 giờ ngày 20/12/2019, N nhờ K chở đến tiệm sửa xe của Như Ý để cầm thêm tiền. K nhờ Đinh Văn Như T (tên thường gọi là Xi Đen), sinh năm 1984, trú tại khu phố 1, thị trấn Gia Ray, huyện X chở N đi đến tiệm sửa xe Như Ý. T chở N đến tiệm sửa xe Như Ý nhưng Trần Mạnh C không đồng ý đưa thêm tiền cho N. N hỏi và được T cho mượn 2.000.000 đồng chuộc xe. Trên đường về, N nói cần tiền gấp để lo viện phí cho chị nên nhờ T cầm giúp xe. T đồng ý và dẫn N đi đến chòi rẫy của anh rể T tại ấp Bàu Sen, xã X1, huyện X. Tại đây, N viết giấy cầm xe mô tô biển số 86B8-472.15 và được T đưa thêm 2.500.000 đồng. Sau khi cầm được xe, Trương Văn N tiếp tục đi mua ma túy sử dụng và ở lại nhà K đến chiều ngày 21/12/2019 thì bị Công an huyện Đức Linh bắt giữ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 62/KL-HĐĐG ngày 27/12/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xác định: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda VISION, màu trắng-nâu-đen số máy JF86B0125999, số khung 5823KY002299, biển số 86B8-472.15 có giá trị là 32.700.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: Quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ 01 xe mô tô biển số 86B8-472.15 nhãn hiệu Honda Vision; 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 thẻ Ngân hàng Vietcombank cùng mang tên Bùi Thị H1; 01 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 86B8-472.15, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe mô tô biển số 86B8-472.15 cùng mang tên Nguyễn Văn T2; 01 bóp da; 01 bản phô

tô giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 86B8-427.52 mang tên Đặng Tài B đã được trả lại cho Lê Trọng A.

Tại Cáo trạng số 04/CT-VKS-HS ngày 26/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh truy tố Trương Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trương Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh đã truy tố và thừa nhận Bản cáo trạng truy tố đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng. Đồng thời, bị cáo đồng ý bồi thường cho ông Đinh Văn Như T số tiền 4.500.000 đồng.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh nêu tóm tắt nội dung vụ án, phân tích các nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo N mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù; Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Trương Văn N bồi thường cho ông Đinh Văn Như T số tiền 4.500.000 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi phạm tội của mình là sai trái, bị cáo sẽ cố gắng cải tạo để làm lại từ đầu. Ngoài ra không có tranh luận gì.

Bị hại: Không tranh luận nội dung gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng. Tuy nhiên, xét thấy lời khai của những người này có trong hồ sơ vụ án đã rõ ràng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại Điều 292 và Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với Bản kết luận điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cùng các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án. Hội

đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 19/12/2019, Trương Văn N, sinh năm 1994 tại thôn Nam Hà, xã Đ, huyện Đức Linh đã có hành vi lén lút trộm cắp xe mô tô biển số 86B8-472.15 nhãn hiệu Honda Vision của anh Lê Trọng A, trị giá tài sản trộm cắp là 32.700.000 đồng.

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo đã xâm phạm khách thể là quyền sở hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, một mặt xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, mặt khác còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong việc quản lý tài sản của người dân. Ngoài ra, bị cáo là người có tiền sự và nhân thân xấu, đã từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Cho nên, cần xem xét hình phạt nghiêm khắc và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài, tạo môi trường tốt để bị cáo cải tạo, học tập, trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình, xã hội và nhằm phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, cần lượng giảm cho bị cáo một phần hình phạt tương ứng với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Lẽ ra, ngoài hình phạt chính cần phạt bị cáo một khoản tiền sung ngân sách Nhà nước mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, nhưng xét thấy bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có tài sản và thu nhập nên miễn hình phạt tiền cho bị cáo là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đinh Văn Như T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 4.500.000 đồng, đây là số tiền mà bị cáo đã cầm cố xe 86B8-472.15 nhãn hiệu Honda chiếm đoạt của anh Lê

Trọng A. Xét thấy yêu cầu của ông T là có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận. Đối với bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì nên không xem xét.

[6] Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Trương Văn N, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đức Linh, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh được phân công điều tra, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận, nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo luật định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự; Điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trương Văn N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo: Trương Văn N 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp (ngày 21/12/2019).

2. Về trách nhiệm Dân sự: Buộc bị cáo Trương Văn N bồi thường cho ông Đinh Văn Như T số tiền 4.500.000 đồng.

Kể từ ngày ông Đinh Văn Như T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bị cáo Trương Văn N chậm thực hiện nghĩa vụ, thì bị cáo N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bị cáo Trương Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 225.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (18/3/2020); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp phần quyết định dân sự của Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND, Công an huyện Đức Linh;
- CQTHAHS - Công an huyện Đức Linh;
- TTLLTP-QG, Sở Tư pháp Bình Thuận;
- CC THADS huyện Đức Linh (khi có hiệu lực);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

(đã ký)

Trần Phước Hiệu